

THÔNG TIN SINH VIÊN

Họ và tên: Ngày sinh:/...../.....
 Mã SV: TổLớp:

Điểm	Cán bộ chấm thi 1 (Ký, ghi rõ họ tên)	Cán bộ chấm thi 2 (Ký, ghi rõ họ tên)

BỆNH ÁN TIỀN PHẪU**1. Phần hành chính:**

- Họ và Tên Giới tính Tuổi
- Nghề nghiệp: (nếu đã về hưu thì phải ghi rõ nghề đã làm trước khi về hưu)
- Địa chỉ:
- Người liên lạc: ghi rõ họ tên, mối quan hệ và địa chỉ
- Ngày giờ vào viện, thời gian điều trị:
- Ngày, giờ làm bệnh án :

2. Phần lý do vào viện:

Lý do khiến người bệnh đến tiếp xúc với cơ sở y tế đầu tiên.

(Là biểu hiện khó chịu nhất bắt buộc bệnh nhân phải đi khám bệnh.

Thường không quá 3 triệu chứng, các triệu chứng được viết cách nhau bằng dấu phẩy.)

3. Phần bệnh sử:

- Là quá trình diễn biến bệnh từ khi xuất hiện triệu chứng đầu tiên cho đến khi người bệnh tiếp xúc với người đang làm bệnh án.
- Nêu diễn biến tuần tự các triệu chứng và ảnh hưởng qua lại của các triệu chứng với nhau, mô tả theo thứ tự thời gian. Biểu hiện bệnh lý đầu tiên là gì? các triệu chứng kế tiếp như thế nào?
- Các triệu chứng cần mô tả các đặc điểm: Xuất hiện tự nhiên hay có tác động, thời điểm và vị trí xuất hiện, mức độ như thế nào, tính chất ra sao, ảnh hưởng đến sinh hoạt hoặc các triệu chứng khác như thế nào, tăng lên hay giảm đi một cách tự nhiên hay có sự can thiệp của thuốc hoặc các biện pháp khác.
- Bệnh nhân đã được khám ở đâu, chẩn đoán như thế nào, điều trị gì, trong thời gian bao lâu?

Kết quả điều trị như thế nào, triệu chứng nào còn, triệu chứng nào mất đi?

- Lý do gì mà bệnh nhân đã được điều trị ở nơi khác lại đến với chúng ta để khám chữa bệnh (không khỏi bệnh, đỡ, khỏi nhưng muốn kiểm tra lại ...)

(Nếu bệnh mãn tính, phải vào viện nhiều lần thì phần bệnh sử chỉ mô tả diễn biến của lần này; các lần trước đưa vào phần tiền sử).

4. Tiền sử

- Tiền sử bản thân: Mặc bệnh mãn tính, bệnh liên quan, thói quen ảnh hưởng đến sức khỏe, tiền sử dị ứng,
- Tiền sử gia đình: Trong gia đình có ai mắc bệnh giống bệnh nhân không, hoặc có bệnh đặc biệt có tính chất gia đình và tính chất di truyền, nếu có thì phải mô tả là ai trong gia đình (ông bà, bố mẹ, anh chị của bệnh nhân), tính chất biểu hiện như thế nào...
- Dịch tễ: xung quanh bệnh nhân đang sinh sống có ai mắc bệnh như bệnh nhân không, vùng địa dư có bệnh gì đặc biệt không?

5. Khám bệnh

- *Khám toàn thân: Tinh thần, thể trạng, da niêm mạc, dấu hiệu sinh tồn, ...*
- *Khám bộ phận: Mô tả thứ tự: Cơ quan bị bệnh => tuần hoàn => hô hấp => tiêu hoá => thận - tiết niệu => cơ - xương - khớp => thần kinh và các chuyên khoa khác.*

5.1 Khám toàn thân: Có 8 phần chính phải mô tả tuần tự:

+ Tình trạng tinh thần:

Tỉnh táo, tiếp xúc tốt, gọi hỏi biết trả lời đúng, chính xác.

Tỉnh táo nhưng mệt mỏi

Ly bì, ngủ gà, hôn mê. Cần đánh giá hôn mê theo thang điểm Glasgow (đánh giá khi làm bệnh án thần kinh, chấn thương não, sọ não, hôn mê,...)

+ Thể trạng: gầy, trung bình, béo

+ Da và tổ chức dưới da:

Màu sắc da

Độ chun giãn da

Các hình thái xuất huyết: chấm, nốt, đám, mảng xuất huyết, vị trí, lứa tuổi.

Có phù hay không? phù trắng mềm hay cứng, vị trí nào, đối xứng hay không?

Có tuần hoàn bàng hệ không?

+ Niêm mạc: Màu sắc: tím, đỏ, xanh nhợt, hồng, bình thường ? Vị trí nào?

+ Lòng tóc móng:

Lông: không có lông ở vị trí bình thường phải có, hoặc các bất thường khác

Tóc: tóc khô, ướt, xơ, cứng, dễ gãy hay không?

Móng: Hình dạng móng: cong, khum. Tình trạng: khô, có khía, dễ gãy hay không?

+ Hạch:

Vị trí, số lượng, kích thước, mật độ

Dính hay không dính vào tổ chức dưới da (xâm lấn hay khu trú)

Có biểu hiện viêm cấp tính như sưng, nóng, đỏ, đau không?

Có lỗ dò hay không ?

Thời gian xuất hiện ?

+ Tuyến giáp:

Kích thước to hay không to?

Nếu to thì cần phân độ tuyến giáp, nghe có tiếng thổi hay không mật độ như thế nào, có dính hay không với tổ chức xung quanh

+ Dấu hiệu sinh tồn: nên kẻ bảng kê bên khám toàn thân : Nhịp thở, Mạch, Nhiệt độ, Huyết Áp, Chiều cao, Cân nặng, BMI)

5.2. Khám bộ phận:

Theo nguyên tắc: NHÌN - SỜ - GÕ - NGHE

a. Khám tuần hoàn:

* Khám Tim:

Nhìn:

+ Hình thể lồng ngực: có cân đối không, gồ lên hay lõm vào không

+ Vị trí mỏm tim đập, diện đập mỏm tim, có dấu hiệu mỏm tim đập dưới mũi ức không

Sờ:

+ Xác định lại vị trí mỏm tim đập

+ Có rung miu không, vị trí, mức độ

Gõ: ít làm

Nghe:

+ Tiếng tim t1,t2: rõ, mờ

+ Nhịp tim: đều, ngoại tâm thu tần số mấy, loạn nhịp hoàn toàn?

+ Các tiếng bất thường: thổi tâm thu: phân độ tiếng thổi tâm thu từ 1/6 -> 6/6, rung tâm trương, thổi tâm trương, thổi liên tục. Các tiếng này cần mô tả vị trí nghe rõ nhất ở ổ van nào, hướng lan, mức độ.

Khám mạch: nguyên tắc bắt mạch 2 bên để so sánh 2 bên

Chi trên: bắt mạch quay , mạch cánh tay

Chi dưới: bắt mạch mu chân, mạch chày sau, mạch khoeo, mạch bẹn

Mạch cảnh: nghe có tiếng thổi ĐM cảnh, bắt động mạch cảnh

Nghe: tìm tiếng thổi do hẹp ĐM thận, ĐM chủ, ĐM cảnh, và các ĐM lớn khác
Đo huyết áp chi trên 2 bên, nếu có thể, đo huyết áp chi dưới 2 bên để so sánh
Đo huyết áp tư thế nằm, ngồi, và đứng để tìm hạ HA tư thế.

Khám các dấu hiệu bệnh tim mạch ở các cơ quan khác

Tím môi, đầu chi

Phù toàn thân?

Gan to: bờ tù, mềm, ấn tức ?

Dấu hiệu gan đàn xẹp ?

Phản hồi gan - tĩnh mạch cổ ?

Tình trạng ứ máu phổi? có thể nghe phổi ran ẩm rải rác

b. Khám hô hấp:

Khám đường hô hấp trên:

Dấu hiệu viêm long đường hô hấp trên: ngạt mũi, chảy nước mũi

Khám họng:

Soi mũi, soi thanh quản:

Khám phổi:

Nhìn:

+ Bệnh nhân có khó thở không? biểu hiện phải cố gắng thở, tăng nhịp thở, sự co kéo của các cơ hô hấp phụ để hỗ trợ thở. Cần xác định bệnh nhân khó thở ở thì nào: thở ra, thở vào hay cả 2 thì.

+ Lồng ngực cân đối không, có bên nào căng phồng, hay xẹp không?

+ Sự di động của lồng ngực trong khi hít vào và thở ra như thế nào, có bên nào di động kém hơn không?

+ Có phù áo khoác không, có tuần hoàn bàng hệ không?

Sờ rung thanh:

+ Có đều 2 bên không

+ Có vùng phổi nào rung thanh giảm hoặc mất không, hoặc tăng rung thanh không, mô tả ranh giới

Gõ:

+ Có vùng nào gõ vang hơn bình thường không

+ Có vùng nào gõ đục hơn bình thường không, mô tả ranh giới

Nghe:

+ Rì rào phế nang rõ hay mờ, hay phổi câm ???

+ Các rales: rít, ngáy, ẩm to nhỏ hạt

+ Các tiếng thổi ống, thổi hang

mô tả vị trí các tiếng rales, mức độ

Khám tìm các dấu hiệu khác:

+ Tím môi đầu chi

+ Vị trí mỏm tim: xem xem có sự đề đẩy trung thất trên lâm sàng (cực kì quan trọng trong các trường hợp Trần dịch màng phổi, tràn khí, xẹp phổi...)

+ Móng tay khum, ngón tay hình dùi trống

c. Khám tiêu hóa:

Nôn:

Bệnh nhân có buồn nôn hay nôn không?

Nôn ra cái gì: thức ăn, dịch dạ dày, máu, dịch mật

Mô tả: số lượng chất nôn, số lần nôn trong ngày, mức độ, ảnh hưởng toàn trạng như thế nào

Phân:

Số lần đi ngoài trong ngày

Tính chất phân: lỏng, sệt thành khuôn bình thường, rắn, táo bón, biến dạng khuôn phân (dẹt)

Phân có nhày máu mũi không? có máu không?

Màu sắc phân: bạc màu, màu đen

Mô tả: thời gian xuất hiện các triệu chứng bất thường, thay đổi tính chất qua thời gian như thế nào

Khám khoang miệng:

Khám bụng:

Có đau ở đâu không, khám có vùng đau khu trú không? loại trừ các dấu hiệu bụng ngoại khoa: cảm ứng phúc mạc, phản ứng thành bụng.

Khám phát hiện cổ chướng: mô tả: cổ chướng tự do hay khu trú, số lượng dịch

Khám phát hiện gan to: mô tả: gan to bao nhiêu cm dưới bờ sườn, dưới mũi ức, bề mặt nhẵn hay gồ ghề, mật độ gan mềm hay chắc, ấn tức không?, bờ sắc hay tù, có dấu hiệu phản hồi gan TM cổ không? di động theo nhịp thở không...

Khám phát hiện lách to: chú ý phân độ lách to, mô tả như ở trên

Khám và phát hiện các khối u trong ổ bụng: mô tả: vị trí, kích thước, mật độ, di động hay dính với tổ chức xung quanh

Khám hậu môn và thăm trực tràng:

Khám các triệu chứng khác :

Da và củng mạc mắt vàng

Phù toàn thân kèm cổ chướng

Sao mạch

d. Thận – Tiết niệu:

Nước tiểu:

Số lượng nước tiểu trong 24h

Màu sắc nước tiểu: không màu, màu vàng nhạt, màu đỏ, màu trắng đục

Có đái buốt đái rắt không

Nếu có đái máu:

+ Máu tươi hay có máu cục, hoặc sợi máu

+ Đái máu đầu bãi, hay cuối bãi, hay toàn bãi

Khám tiết niệu:

Dấu hiệu chạm thận

Dấu hiệu bập bênh thận

Các điểm đau niệu quản: trên, giữa

Khám phát hiện các triệu chứng khác:

Phù: phù trắng mềm, ấn lõm, phù toàn thân kèm cổ chướng

Huyết áp

Hội chứng nhiễm trùng

e. Các bộ phận khác: Cơ xương khớp, thần kinh, tai mũi họng, răng hàm mặt...

(Phần khám chuyên khoa sẽ có mẫu riêng tương ứng trong môn học)

6. Tóm tắt lâm sàng:

Bệnh nhân nam(nữ), bao nhiêu tuổi, nghề nghiệp (nếu có liên quan đến bệnh) có tiền sử (nếu có liên quan). Bệnh diễn biến bao lâu rồi. Vào viện vì lý do ? Qua hỏi bệnh và khám lâm sàng phát hiện các hội chứng và triệu chứng sau (mô tả các triệu chứng thăm khám phát hiện được).

Chú ý nên sắp xếp thành các nhóm hội chứng và triệu chứng như sau:

- Các triệu chứng dương tính để khẳng định chẩn đoán
- Các triệu chứng âm tính góp phần khẳng định chẩn đoán và chẩn đoán loại trừ.
- Các triệu chứng xác định mức độ bệnh, giai đoạn, tiên lượng (Nêu liên mạch theo trình tự như trên)

7. Chẩn đoán sơ bộ.

8. Cận lâm sàng

- Yêu cầu :

- Đã có :

Xét nghiệm máu: Ghi theo thứ tự kết quả nào giúp cho chẩn đoán xác định trước, rồi theo thứ tự: xét nghiệm tế bào, sinh hoá, vi khuẩn...

Xét nghiệm nước tiểu: Xét nghiệm sinh hóa, tế bào, vi khuẩn.

Xét nghiệm cơ bản khác: XQ ngực, điện tim...

Các thăm dò, xét nghiệm có tính chất chuyên khoa:

- Hô hấp: chức năng hô hấp, chụp phế quản cân quang, CT scan ngực, soi phế quản, chọc dò khoang màng phổi, xét nghiệm dịch màng phổi, sinh thiết màng phổi...

- Tim mạch: điện tim, nghiệm pháp gắng sức, Siêu âm Doppler tim, thông tim...

- Nội tiết: nghiệm pháp tăng đường máu, nghiệm pháp nhịn uống, siêu âm tuyến giáp, định lượng T3 – T4, định lượng insulin bằng phương pháp phóng xạ...

- Tiêu hoá: nghiệm pháp Koler, soi dạ dày – tá tràng, chụp đường mật, sinh thiết gan, dạ dày...

- Thận - tiết niệu: chụp hệ tiết niệu có chất cản quang, chụp thận ngược dòng, sinh thiết thận...
- Cơ – xương - khớp : soi chụp khớp, đo độ loãng xương...
- Thần kinh: các nghiệm pháp, chụp MRI, CT scan sọ, chọc dò nước não tủy, xét nghiệm các thành phần của dịch não tủy, điện não....

8. Biện luận và chẩn đoán

8.1. Chẩn đoán xác định:

- a. Bệnh chính :
(cần chẩn đoán rõ ràng mức độ, giai đoạn, thể bệnh và phân độ rõ ràng)
- b. Bệnh kèm :
(bệnh kèm theo, bệnh nền, bệnh mãn tính)

8.2. Chẩn đoán phân biệt (nếu có):

Nếu chẩn đoán sơ bộ chưa chắc chắn, cần đề ra các chẩn đoán phân biệt.

(Trả lời câu hỏi: Có bệnh nào có triệu chứng và tính chất tương tự không. Từ đó đề ra các xét nghiệm để xác định lại chẩn đoán và loại trừ các chẩn đoán khác.)

8.2. Biện luận chẩn đoán:

9. Điều trị

- Hướng điều trị : (nêu nguyên tắc, hướng điều trị : điều trị triệu chứng, kháng sinh, giảm đau, bù dịch, lên lịch mổ, mổ phiến, mổ cấp cứu, phương pháp mổ,...)
- Điều trị cụ thể: ra y lệnh, thuốc, liều lượng, cách dùng, thời gian dùng cụ thể theo nguyên tắc sắp xếp thứ tự ưu tiên theo:
dịch truyền → thuốc tiêm → thuốc viên → thuốc gói
kháng sinh → corticoid → thuốc điều trị triệu chứng → thuốc bổ

10. Tiên lượng

- Tiên lượng gần
- Tiên lượng xa

11. Phòng bệnh :

Nêu các biện pháp phòng bệnh , dự trừ, thay đổi lối sống, phục hồi chức năng để cải thiện bệnh và phòng bệnh. Tiêm vaccin.

(Trên đây là dàn bài của Bệnh án sinh viên, các khoa lâm sàng sẽ cụ thể hóa từng mục cho phù hợp với đặc thù của khoa, giai đoạn của bệnh).